

Số: /BC-CCKL

Bình Định, ngày tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư lĩnh vực Lâm nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 3467/SNN-KHTH ngày 19/10/2023 về việc báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt thực hiện Quyết định số 2289/QĐ-TTg

a) Chi cục Kiểm lâm đã phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các văn bản liên quan đến cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 cho các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, trong đó nhấn mạnh tới nội dung ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; cụ thể:

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 19/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, triển khai thực hiện Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

b) Nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi công chức, người lao động trong việc chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo khả năng và

nhiệm vụ được phân công, góp phần cùng cơ quan, đơn vị phấn đấu hoàn thành các định hướng trọng tâm của Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

2. Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của các đoàn thể

a) Nâng cao nhận thức của cấp uỷ đảng, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị về sự cấp thiết phải chủ động tham gia tích cực và có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, coi đó là một nhiệm vụ trọng tâm. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị.

b) Xác định nội dung cốt lõi chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số.

c) Ưu tiên chuyển giao và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ mới trong các ngành, lĩnh vực; có trách nhiệm thúc đẩy nghiên cứu khoa học, công nghệ, tạo môi trường thuận lợi và hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm để đảng viên và người lao động là các chủ thể quyết định tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

d) Phát huy sự tham gia có hiệu quả của các tổ chức đoàn thể vào quá trình giám sát thực thi các chính sách có liên quan đến cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3. Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị để chủ động tham gia chuyển đổi số và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

a) Trên cơ sở các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để công chức, người lao động tích cực tham gia; kịp thời ngăn chặn các tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng.

b) Từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu, quản trị dữ liệu, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc lĩnh vực lâm nghiệp; triển khai sử dụng, khai thác có hiệu quả các nền tảng số quốc gia, các hệ thống thông tin dùng chung trên phạm vi tỉnh Bình Định.

c) Đẩy mạnh đầu tư và tăng cường đổi mới việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân và tổ chức, góp phần xây dựng và phát triển chính quyền số, đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Bình Định.

4. Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ lĩnh vực quản lý

a) Nâng cao chất lượng cây giống phục vụ trồng rừng:

- Khuyến khích các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư và nâng cấp cơ sở vật chất,

trang thiết bị sản xuất giống cây lâm nghiệp ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng cây giống. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã có 03 đơn vị đang ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất cây nuôi cấy mô trong sản xuất cây giống lâm nghiệp, công suất sản xuất 32 triệu cây giống/năm, bao gồm: 01 đơn vị nhà nước là Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn và 02 đơn vị tư nhân là Công ty TNHH Vũ Hà và Doanh nghiệp Tư nhân dịch vụ cây trồng Nguyễn Hạnh.

b) Tình hình xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng:

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng. Đến nay có đã có 10 đơn vị được UBND tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, gồm: 03 Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, Hà Thanh, Sông Côn và 07 Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng (Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn và các Ban Quản lý rừng phòng hộ An Lão, Hoài Ân, Phù Cát, Phù Mỹ, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn).

- Diện tích rừng được cấp chứng chỉ trên địa bàn tỉnh từ năm 2021 đến nay là 12.175,90 ha, trong đó: rừng tự nhiên 1.450,0 ha, diện tích khoanh nuôi tái sinh (khu vực bảo vệ ven suối) 217,0 ha, diện tích rừng trồng 10.508,9 ha.

- Hiện nay, một số doanh nghiệp chế biến gỗ đang tiếp tục phối hợp với các hộ gia đình, cá nhân lập thủ tục cấp chứng chỉ rừng quản lý rừng bền vững đối với diện tích rừng trồng.

c) Phát triển trồng rừng cây gỗ lớn:

Theo Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030 do UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 về việc phê duyệt Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035; theo đó, đến năm 2025 diện tích rừng trồng sản xuất gỗ lớn tập trung đạt 10.000 ha; đến nay, toàn tỉnh đã trồng được 9.882 ha.

d) Ứng dụng công nghệ trong công tác theo dõi diễn biến rừng:

Chi cục Kiểm lâm ứng dụng phần mềm Mapinfor, phần mềm QGis để theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp; các dữ liệu về tài nguyên rừng, đất rừng được điện tử hóa; xây dựng cơ sở dữ liệu và biên tập bản đồ trên nền dữ liệu các lô rừng quản lý và các lô rừng biến động do các nguyên nhân như cháy rừng, phá rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, trồng mới, khai thác, sâu bệnh,... Kết quả ứng dụng các phần mềm trên cho thấy chất lượng công tác theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp ngày càng được nâng cao; người sử dụng có thể truy cập và xuất kết quả theo yêu cầu. Việc báo cáo kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp hàng năm đáp ứng đúng thời gian quy định; để theo dõi, quản lý số liệu các loại đất, loại rừng chặt chẽ, chính xác nhằm phục vụ công tác quy hoạch, kế hoạch trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phục vụ cho công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng, chứng chỉ rừng...

đ) Ứng dụng công nghệ trong việc phát hiện sớm các biến động về rừng và đất lâm nghiệp:

Ứng dụng công nghệ viễn thám sử dụng ảnh vệ tinh phục vụ việc quản lý, giám sát tài nguyên rừng; Chi cục Kiểm lâm ứng dụng phần mềm Vtools mapinfo để phục vụ công tác theo dõi hiện trạng rừng, nhằm phát hiện kịp thời và xử lý các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp. Phần mềm Vtools mapinfo là ứng dụng cài đặt trên máy tính, smart phone, ipad... thu thập dữ liệu hình ảnh nhanh, chính xác sẽ giúp ngành kịp thời đối chiếu giữa bản đồ diễn biến tài nguyên rừng được UBND tỉnh phê duyệt hằng năm với ảnh vệ tinh tại thời điểm cập nhật để phát hiện sớm các biến động về diện tích, hiện trạng thay đổi rừng để kịp thời tổ chức kiểm tra, xác minh ngoài hiện trường, xử lý theo quy định.

e) Ứng dụng công nghệ để phát hiện sớm các điểm cháy rừng:

Hiện nay lực lượng kiểm lâm đang ứng dụng phần mềm cảnh báo cháy rừng trên hệ thống thông tin cảnh báo cháy sớm tại địa chỉ Website: <http://kiemlam.org.vn> hoặc kiemlambinhdinhsnnptnt.binhdinhh.gov.vn để phát hiện sớm các điểm cháy rừng. Từ khi ứng dụng phần mềm nêu trên các điểm cháy được phát hiện sớm, tổ chức triển khai chữa cháy kịp thời, giảm đáng kể thiệt hại do cháy rừng gây ra.

5. Công tác triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực lâm nghiệp

a) Chi cục Kiểm lâm đã phổ biến, quán triệt văn bản liên quan đến công tác chuyển đổi số cho các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, cụ thể như:

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025.

- Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh Bình Định về triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ

Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh Bình Định triển khai Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Bình Định, về việc chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025.

- Kế hoạch số 22/KH-SNN ngày 01/8/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT, về chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 19/KH-SNN ngày 31/3/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT, chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025.

- Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025

- Kế hoạch số 58/KH-SNN ngày 22/12/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về chuyển đổi số Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2024.

b) Triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các văn bản chỉ đạo cấp trên về chuyển đổi số.

c) Thực hiện phổ cập, truyền thông bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10; ban hành các văn bản chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và PTNT và của tỉnh Bình Định bảo đảm thiết thực, hiệu quả; thường xuyên cập nhật, đăng tải nội dung về chuyển đổi số lên Trang thông tin điện tử của Chi cục Kiểm lâm.

d) Ban hành Kế hoạch 888/KH-CCKL ngày 03/7/2023 về việc chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025; Kế hoạch 2055/KH-CCKL ngày 26/12/2023 về việc chuyển đổi số năm 2024, định hướng đến năm 2025.

e) Ban hành quyết định thành lập Tổ Công tác thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực kiểm lâm tại Quyết định số 172/QĐ-CCKL ngày 30/5/2023.

g) Tham gia đầy đủ, nghiêm túc các khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG, THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

1. Đánh giá chung

Thời gian qua, Chi cục Kiểm lâm đã tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tư duy, nhận thức của lãnh đạo, công chức, người lao động được đổi mới; vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước được tăng cường; việc tham gia của các đoàn thể được phát huy. Trong thời gian đến, Chi cục Kiểm lâm tiếp tục duy trì thực hiện tốt các kết quả đã đạt được. Chú trọng xây dựng, đào tạo đội ngũ công chức đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Thuận lợi, khó khăn, tồn tại

a) Thuận lợi:

- Được sự quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời của Trung ương và UBND tỉnh trong quá trình thực hiện.

- Người trồng rừng ngày càng ý thức được tầm quan trọng của chất lượng cây giống và áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong trồng, chăm sóc rừng để nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng.

- Nhu cầu nguyên liệu cho chế biến gỗ, đặc biệt là gỗ được cấp chứng chỉ FSC để cung cấp cho các doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh rất lớn.

b) Khó khăn, tồn tại:

- Quỹ đất của các Công ty TNHH Lâm nghiệp không còn, nên không có khả năng mở rộng diện tích trồng rừng gỗ lớn.

- Phần lớn diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch sản xuất do người dân sử dụng, nhưng manh mún, nhỏ lẻ nên việc liên kết với các doanh nghiệp chế biến gỗ gặp nhiều khó khăn.

- Trồng rừng kinh doanh gỗ lớn có chu kỳ dài, chi phí đầu tư lớn, nhưng lãi suất vay từ các ngân hàng thương mại thường cao, hạn mức vay có hạn, thời gian vay ngắn, gây khó khăn cho các công ty lâm nghiệp cũng như hộ gia đình có nhu cầu vay vốn trồng rừng gỗ lớn. Trong khi đó các chính sách theo các nghị định, quyết định của Trung ương thì các chủ rừng khó tiếp cận.

- Trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp trồng rừng còn hạn chế về năng lực trong việc lập hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ FSC. Bên cạnh đó, chi phí cho việc thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ FSC và chi phí đánh giá để được cấp chứng chỉ FSC rất lớn.

- Giá cả thiếu ổn định, phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng gỗ nhỏ của các nhà máy chế biến xuất khẩu trên địa bàn.

- Sản xuất lâm nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài, rủi ro lớn, chủ yếu phụ thuộc vào thời tiết, mùa vụ; hiện trường sản xuất trải rộng, tập trung chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, địa hình khó khăn phức tạp, máy móc trang thiết bị hỗ trợ công tác lâm nghiệp chưa được đầu tư, hạ tầng thấp kém đặc biệt là đường giao thông đến các khu rừng ảnh hưởng đến việc thu hút các nhà đầu tư.

- Kinh phí đầu tư công nghệ nuôi cấy mô trong sản xuất cây giống lâm nghiệp khá cao, khoảng 5 tỷ đồng/01 nhà nuôi cấy mô, gồm: kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, chuyển giao công nghệ nuôi cấy mô và kinh phí chuyển giao bình giống gốc từ tác giả nguồn giống. Vì vậy, số lượng đơn vị đầu tư công nghệ nuôi cấy mô trong sản xuất cây giống lâm nghiệp còn ít chưa đáp ứng đủ nhu cầu cây nuôi cấy mô phục vụ công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Hỗ trợ đầu tư các cơ sở sản xuất giống, nguồn giống chất lượng cao; hỗ trợ tăng cường công tác xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm lâm nghiệp;

tăng cường chính sách hỗ trợ khuyến khích các nhà đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp từ khâu sản xuất giống, trồng rừng đến khai thác và tiêu thụ sản phẩm.

2. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp, người dân liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm trong trồng rừng, chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

3. Các cấp thẩm quyền quan tâm, đầu tư kinh phí để mua sắm các phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và theo dõi diễn biến rừng để lực lượng kiểm lâm đủ năng lực kiểm soát mất rừng, cháy rừng.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng cho vùng phát triển trồng rừng gỗ lớn tập trung, trong đó đặc biệt ưu tiên xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp để thuận lợi cho việc vận chuyển trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất.

2. Tiếp tục ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phát triển các giống cây trồng lâm nghiệp mới có giá trị kinh tế, chống chịu sâu bệnh hại và phù hợp với điều kiện lập địa để đưa vào trồng rừng gỗ lớn.

3. Khuyến khích phát triển vùng trồng rừng sản xuất gỗ lớn tập trung hình thành theo nhóm hộ, tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và từng bước xây dựng chứng chỉ FSC cho toàn bộ diện tích rừng trồng sản xuất gỗ lớn.

4. Tiếp tục ứng dụng phần mềm QGis, Mapinfor, Vtool và phần mềm phát hiện sớm cháy rừng để quản lý hiệu quả diện tích rừng hiện có và diện tích rừng tạo mới. Ngoài ra Chi cục Kiểm lâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám trên nền tảng ảnh vệ tinh trực tuyến từ Google Earth Engine để theo dõi biến động rừng và đất lâm nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trong thời gian đến.

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KHTH Sở;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Phòng QLVR&BTNN; TCHC;
- Lưu: VT, SDPTR.

CHI CỤC TRƯỞNG

Lê Đức Sáu